

VỊ TRÍ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA LÀNG TRUYỀN THỐNG TRONG CẤU TRÚC ĐẶC TRƯNG CỦA ĐÔ THỊ HUẾ (Location and characteristics of the traditional village in the typical structure of urban Hue)^(*)

I. Đô thị Huế: sự hình thành và những kết cấu đặc trưng

Huế nằm trong số những đô thị hình thành không từ xuất phát điểm hay bối cảnh của một trung tâm có quá trình hội tụ thương nghiệp, trao đổi hàng hóa hay giao dịch thương mại phồn thịnh mang chất đặc trưng, mà góp một nét rất riêng trong chân dung đô thị Việt Nam từ nhu cầu xây dựng khu trung tâm chính trị, hành chính quốc gia trong giai đoạn lịch sử đầy biến động và phức tạp.¹

Việc chọn Huế làm thủ phủ xứ Đàng Trong,² sau đó là kinh đô của cả nước là một sự hội tụ có tính nhân duyên:

^(*) GVC. Nguyễn Hữu Thông, Giám đốc Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế (Director Vietnam Sub-Institute for Culture and Art in Hue).

¹ Từ khi Kim Long trở thành địa điểm các chúa Nguyễn chọn làm thủ phủ cho đến lúc Phú Xuân trở thành nơi xây dựng kinh đô dưới thời các vua Nguyễn, đất nước chìm trong những cuộc nội chiến. Huế khoác trên vai sứ mệnh của một vùng đất nằm trong chiến lược chính trị quân sự và hành chính nhiều hơn là sự nổi trội yếu tố thuận lợi về địa kinh tế.

² Sự nghiệp mở mang của 9 đời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã gắn liền với quá trình phát triển của vùng đất Thuận Hóa-Phú Xuân. Hơn 3 thế kỷ từ khi trở về với Đại Việt, Thuận Hóa là vùng đất của trận mạc, ít có thời gian hòa bình nên chưa có điều kiện hình thành được những trung tâm sinh hoạt sầm uất theo kiểu đô thị. Sự ra đời của Hóa Châu (khoảng cuối tk XV, đầu tk XVI) có lẽ chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn với tư cách là một tòa thành phòng thủ chứ chưa phải là nơi sinh hoạt đô thị của xứ Thuận Hóa thời ấy. Mãi cho đến năm 1636 chúa Nguyễn Phúc Lan dời phủ đến Kim Long là bước khởi đầu cho quá trình đô thị hóa trong lịch sử hình thành và phát triển của đô thị Huế sau này. Hơn nửa thế kỷ sau, năm 1687 chúa Nguyễn Phúc Thái lại dời phủ chính đến làng Thụy Lôi, đổi là Phú Xuân, ở vị trí tây nam trong Kinh thành Huế hiện nay, tiếp tục xây dựng Phú Xuân thành một trung tâm đô thị phát đạt của xứ Đàng Trong. Chỉ trừ một thời gian ngắn (1712-1738) phủ chúa dời ra Bắc Vọng, song khi Võ Vương lên ngôi lại cho dời phủ chính vào Phú Xuân nhưng dựng bên tả phủ cũ, tức góc đông nam Kinh thành Huế hiện nay. Sự nguy nga bề thế của đô thành Phú Xuân dưới thời Nguyễn Phúc Khoát đã được Lê Quý Đôn mô tả trong *Phủ biên tạp lục* năm 1776 và trong *Đại Nam nhất thống chí*, với tư cách là một đô thị phát triển thịnh vượng trải dài hai bờ châu thổ sông Hương, từ Kim Long- Dương Xuân đến Bao Vinh Thanh Hà. (Vài nét về lịch sử Huế: www.kientruc-vn.org/hue.htm).

- Vùng đất chứa đựng khá hoàn hảo những tiêu chí về mặt tuyển trạch, đáp ứng các yêu cầu của khoa phong thủy để dựng kinh đô cho một triều đại bền vững.³ Ở đây “vai trò của phong thủy không chỉ giới hạn trong phạm vi vật lý- nhằm thực thi các mục tiêu kinh tế xã hội đơn thuần-mà còn thực hiện các chức năng tâm lý (cảm giác được thiên nhiên, hoặc siêu nhiên, che chở, bảo vệ của cư dân đô thị) hoặc siêu lý (ước vọng trường tồn của mỗi triều đại phong kiến). Trong trường hợp kinh đô Huế, vai trò phong thủy đã được triều Nguyễn thực hiện một cách đồng bộ, xuyên suốt và trọn vẹn, vừa đáp ứng được các mục tiêu kinh tế-xã hội đô thị thông thường, vừa thỏa mãn các yêu cầu đặc thù của một kinh đô”.⁴

- Trên phương diện chính trị, vua Gia Long chọn Huế, nơi không quá xa những người ủng hộ mình trong giới trung nông, điền chủ Nam Bộ, đồng thời vẫn giữ được một cự ly hợp lý để không đối đầu trực diện, nhưng vẫn trong tầm tay quản lý đối với những thế lực hoài Lê ở Bắc Hà.

- Phú Xuân là vùng đất dựng nghiệp của các chúa Nguyễn, mà vua Gia Long là hậu duệ, tất yếu sẽ được sự ủng hộ của những người trong hoàng tộc, các công thần cũ và nhân dân sở tại.

³ Trình tự thiết kế đô thị dưới mắt các nhà phong thủy học thông thường gồm 3 pha:
- Pha 1: TÂM LONG, tức tìm đất và tuyển chọn địa điểm xây dựng đô thị dựa trên các quy chuẩn Hình thái học Phong thủy (Fengshui Morphology). Căn cứ hướng vận động (long hành) và điểm dừng (Sơn chỉ/đỉnh) của địa mạch (long mạch), xác định khu vực có HUYỆT (huyệt trường). Thông thường, huyệt trường được xác định bởi các vật thể tự nhiên (núi, đồi, gò, sông, suối...) tạo thành các điểm MỐC ĐỊNH HƯỚNG (navigational points) bốn vùng không gian Trái-Phải-Sau-Trước (ứng với bộ Tứ linh Long-Hổ-Vũ-Tước, hoặc Long-Lân-Quy-Phụng). Bốn điểm mốc này hợp thành một hình chữ thập với 2 trục thẳng góc: TRỰC KINH (Vũ-Tước hoặc Quy-Phụng) và TRỰC VÍ (Long-Hổ, hoặc Long-Lân) tương ứng với 2 trục CARDO (Bắc Nam) và DECUMANUS (Đông-Tây) trong kiến trúc đô thị La Mã.
- Pha 2: ĐIỂM HUYỆT, huyệt chính là tâm điểm của kết cấu tứ linh đã xác định trong pha Tâm Long và là nơi đặt tổ hợp công trình Hoàng thành- Cẩm thành lên bên trên.
- Pha 3: LẬP HƯỚNG, căn cứ điểm lập huyệt và phương vị của các điểm mốc chuẩn, định hướng chung cho toàn đô thị bằng kỹ thuật phân kim bí hiểm. Công việc này sẽ quyết định đến hướng của mạng lưới giao thông nội thành hình ô cờ. (Lý Thái Sơn: *Kỳ lân hí cầu* trong Hội nghị chuyên gia “Đánh giá quỹ kiến trúc đô thị Huế”, Huế tháng 8/2003, tr 37-38).

⁴ Lý Thái Sơn, *TĐĐ*, tr. 38.

- Nơi có cảnh quan như một bức tranh sơn thủy mà tạo hóa đã vẽ nên, phù hợp với thẩm mỹ quan của người phương Đông trong đời sống lấy sự hòa hợp với thiên nhiên làm trọng

Dù sao, đặc trưng của những dạng đô thị hình thành trong bối cảnh như vậy, vẫn không mang tính điển hình của một thành phố thương nghiệp sầm uất. Trong quan điểm xây dựng từ bước khởi đầu, người chủ trương đã thiết lập ý đồ lấy phong thủy dịch lý, thẩm mỹ cảnh quan và đối sách chính trị làm yếu tố quyết định, cho nên, con đường phát triển của Huế cũng từ đây đã không chọn sự kỳ vĩ, hoành tráng, trong xử lý hình khối kiến trúc, hoặc chất năng động nhộn nhịp của trung tâm thương nghiệp, làm trục tư tưởng hay biểu hiện thiết kế quy hoạch lâu dài.⁵

⁵ Sự ra đời của cảng thị Thanh Hà hay Bao Vinh hay Hội An là một sự tiếp nối mạch sống thương nghiệp như một lợi thế của vùng đất miền Trung thời tiền Việt để làm nên sức sống mới cho xứ Đàng Trong thời các chúa Nguyễn. “Chúng ta có thể nói một cách hoàn toàn bảo đảm rằng, chính thương nghiệp đã làm cho vương quốc mới của Việt Nam, chỉ trong vòng ít thập niên, trở nên giàu có và đủ mạnh để có thể duy trì được nền độc lập của mình đối với phía Bắc và mở rộng về phía Nam. Không có thương mại, Đàng Trong khó có thể tồn tại nổi cho dù tài nguyên thiên nhiên có dồi dào, vì những khó khăn mà vương quốc này phải đương đầu. Thiếu nhân lực, thiếu tiền của, không có sẵn quan hệ với bên ngoài và nhiều khó khăn khác, nhất là khi phải xây dựng trên một vùng đất mới giành được từ một dân tộc khác, có một nền văn hóa khác. Ngoại thương trở thành yếu tố quyết định trong tốc độ phát triển của Đàng Trong. Ngoài thương nghiệp không gì khác có thể giúp họ Nguyễn xây dựng một cách nhanh chóng vùng đất ít nhân lực để có thể đương đầu nổi với một vùng đất có số tiềm lực nhiều gấp đôi, gấp ba Đàng Trong về mọi mặt. Đối với các nước khác ở Đông Nam Á, vấn đề ngoại thương có thể chỉ là vấn đề làm giàu, nhưng đối với Đàng Trong vào buổi đầu, đây là vấn đề sống chết” (Li Tana: *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, người dịch Nguyễn Nghị, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, 1999, tr. 85).

Mặc dù hiện tượng nêu trên là điều có thật, nhưng nếu chúng ta có một cái nhìn quán xuyên hơn về mặt diễn tiến theo chiều lịch đại thì không khó để nhận ra sự khó khăn của nhà Nguyễn trong quá trình chuyển đổi nhận thức về vai trò thương mại/ ngoại thương từ việc tiếp nhận và tiếp nối những gì đang diễn ra trên vùng đất này. Trên thực tế, những hoạt động này không tạo nên những cơ sở bền chặt và có nền tảng vững chắc; hoặc nhằm tạo đà phát triển, chuyển hóa cách nhìn, điều chỉnh quan niệm.

Hình ảnh Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ 19 mà Alexander Barton Woodside khảo tả trong công trình *Vietnam and Chinese Model. A Comparative Study of Vietnamese and Chinese Government in the First Half of Nineteenth Century* (Harvard University Press, Cambridge, USA, 1971), đã cho chúng ta thấy việc

Nhà Nguyễn thiết lập thủ phủ hay kinh đô trên vị trí vốn là những làng nông nghiệp như mọi làng nông nghiệp khác ở miền Trung,⁶ nhưng, từ quyết định này và đi cùng với nó là sự tập trung của giới hoàng thân quốc thích, quý tộc, quan lại, giới thượng lưu, trí thức, nghệ sĩ, nghệ nhân, những người có công..., và phần lớn trong họ là những đối tượng được hưởng nhiều ân sủng của triều đại. Cảnh quan cư trú từ đây cũng đổi thay. Ngoài hệ thống các thành quách cung điện... trong khu vực Kinh thành, còn có sự hiện diện của lăng tẩm, phủ đệ và nhiều dạng kiến trúc cung đình, quý tộc khác, phân bố xung quanh thủ phủ Huế như những vệ tinh làm nên vóc dáng của một kiểu kiến trúc vừa mang tính mỹ lệ, cầu kỳ - đượm chất thượng lưu quý tộc, vừa nằm trong những khung không gian êm đềm của các làng xã, mà thiên nhiên - cảnh sắc gắn gũi với nếp sống bình dị của con người. Với lối kết cấu này, kiến trúc Huế, ngay cả Kinh thành Huế như muốn bày tỏ sự tương hợp với những gợi ý âm thầm của thiên nhiên. Con người nơi đây không phân biệt thành phần xã hội, đã tìm gặp nhau ở một lối ứng xử, chọn thiên nhiên cây xanh làm nền,

mô phỏng mẫu hình phong kiến Trung Quốc trên nhiều mặt là đặc biệt mạnh mẽ trong thời kỳ nhà Nguyễn. Hiện tượng này, ít nhiều liên quan đến việc chọn lựa sự đóng cửa (bể quan tòa cảng) đối với phương Tây. Cái được gọi là “sự thờ ơ có tính chất Trung Hoa cổ điển” đối với hoạt động ngoại thương Việt Nam, bắt nguồn bởi mối dằn vặt từ sự cầu viện của vua Gia Long trong cuộc chiến chống Tây Sơn. Hoạt động giao lưu, mở cửa nhìn ra biển Đông một lần nữa bị khép lại. Nông nghiệp được dịp khẳng định vai trò quyết định của mình đối với sự sinh tồn của cả dân tộc. Tất cả như một sự tái phát mầm bệnh vốn ủ sẵn trong tiềm thức.

⁶ “Mặt bằng của địa bàn quy hoạch Kinh thành rất rộng, thâm đất của 8 làng nằm lân cận nhau, trong đó, đất làng Phú Xuân bị trưng dụng gần hết. Vì làng này bị thiệt thòi nhiều nhất, cho nên dân làng được triều đình bồi thường ở mức cao nhất, bằng cách cấp cho nhiều ruộng đất ở rải rác nhiều nơi chung quanh Kinh thành, như đất phường Phú Hội, ấp Kê Vạn ở tả ngạn; đất các ấp Xuân An, Xuân Đài, Trường Giang, Trường Cởi ở hữu ngạn; đất ấp Trung Lưu ở Cồn Hên trên sông Hương; và một số ruộng đất ở hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình nữa. Chính vì tầm quan trọng đó của đất làng Phú Xuân mà dưới thời các chúa Nguyễn, nơi xây dựng trung tâm chính trị Đàng Trong được gọi là Chính phủ Phú Xuân, rồi dưới thời Tây Sơn và nhất là từ thời Gia Long, nơi trở thành kinh đô của cả nước được gọi là Kinh đô Phú Xuân (nói tắt là Xuân Kinh), thậm chí có khi địa danh Phú Xuân đã được dùng để chỉ chung cho cả vùng Thừa Thiên Huế ngày nay nữa (Phan Thuận An: *Kinh thành Huế*, Nxb Thuận Hóa, 1999, tr. 86).

dùng thành quả qua công trình kiến trúc tận dụng thiên nhiên để tôn vinh giá trị cái mình làm nên. Nhưng cũng chính từ đó, thiên nhiên cũng đã hòa vào dòng kiến trúc, tạo nên chất nhân văn vốn không là thuộc tính tự có.

Xuất phát từ sự hội ngộ đẹp đẽ ấy mà đô thị Huế đã tạo nên ấn tượng khá đặc trưng của mình như là một “sự chuyển hóa mềm mại trong lịch sử, trong không gian các hình thái kiến trúc, góp phần quyết định tạo lập nên một chôn đô thị, hầu như duy nhất ở nước ta mà các phẩm chất như tính cân bằng, tính nhất thể, tính hữu cơ đã trở thành đặc tính cơ thể đô thị”.⁷

Trong suốt thời kỳ tồn tại của phong kiến Nguyễn, ngoài không gian được trưng dụng để xây dựng kinh thành Huế, trên nền của những làng xã nông nghiệp phân bố dọc sông Hương và thủ phủ Phú Xuân cũ, triều đình còn kiến tạo nhiều công trình xen lẫn như đền, miếu, điện, đài, tạ, đàn, tháp, lăng tẩm, quốc tự, phủ đệ, đấu trường... với khuôn viên uy nghi và trang trọng trong địa vực của nhiều ngôi làng truyền thống quanh Huế. Vấn đề đáng nói ở đây là chúng không hề tách khỏi, hay nói đúng hơn là có ý đồ vươn lên thách thức cảnh quan như một cách xác định vị thế nổi trội của mình trước những gì khiêm cung vốn có của những ngôi làng truyền thống đang gắn vào trung tâm Huế. Chúng chẳng hề tạo nên trong chúng ta cảm giác ngổn ngang, thiếu chất hài hòa từ sự đối lập trong lối kết cấu / tinh thần kiến trúc, mà chúng chỉ xuất hiện với tư cách như những đơn nguyên trong tổng thể và gắn vào tổng thể một cách tự nhiên.

Những năm nửa đầu thế kỷ XX, xuất hiện ở Huế nhiều kiểu kiến trúc thuộc địa, mà chất liệu xây dựng, cũng như các giải pháp kỹ thuật đã thoát khỏi khung xử lý truyền thống. Cảnh quan của cụm kiến trúc này phần lớn phân bố đối diện với Kinh thành Huế phía bên kia bờ Hương Giang. Đội ngũ kiến trúc sư cả trong lẫn ngoài nước thời bấy giờ rất tinh tế nhìn ra cái cần phải làm trong thiết kế xây dựng, cho nên, vẫn giữ cho Huế một tổng thể không thoát ra khỏi

⁷ Hoàng Đạo Kính, “Kế thừa và tạo lập bản sắc kiến trúc đô thị trong phát triển”, Tham luận tại hội thảo *Tạo lập diện mạo kiến trúc đô thị đặc trưng cho thành phố Huế*, Huế, tháng 3/2002.

ting thần vốn có. Chúng chẳng những không muốn tự tạo riêng cho mình một cụm kiến trúc biệt lập, mà còn uyển chuyển gắn vào tổng thể, làm nên sự kết hợp của nhiều nét riêng trong cái chung của cảnh sắc phố phường, thị tứ, Kinh thành và các khu dân cư làng xã, xóm phường. Những bộ phận làm nên sự chuyển hóa không gian kiến trúc đô thị xen lẫn vào nhau, tôn tạo nhau trong sự bao bọc âm áp của thiên nhiên, sông núi, cỏ cây.⁸

II. Làng truyền thống trong cấu trúc đặc trưng của đô thị Huế

Chính sự đa dạng của địa hình trong vùng eo thắt của dải đất miền Trung đã tạo cho Huế nhiều kiểu kiến trúc làng truyền thống, thể hiện ứng xử phong phú của con người nơi đây đối với cảnh quan thiên nhiên và môi trường cư trú. Trong đó, chúng ta có thể nhận ra một vết cư trú khá liên tục bao quanh đô thị Huế, với nhiều không gian và địa hình khác nhau. Tuy vậy, chúng ta vẫn có được cảm giác

⁸ Khi viết về *Kiến trúc thuộc địa ở Huế*, Nguyễn Đình Toàn đã thông qua việc nhận xét về hình thức, kiểu cách, và phong cách kiến trúc chia kiến trúc thuộc địa ở Huế ra nhiều loại:

- *Phong cách kiến trúc thực dân tiền kỳ*: Theo kiểu thức kiến trúc cổ điển, hành lang của cuốn vòm, tường có gờ kẻ ngang, bước gian nhỏ...

- *Phong cách kiến trúc tân cổ điển*: Tính đối xứng thể hiện nghiêm ngặt từ tổng thể đến chi tiết, khối sảnh chính được nhấn mạnh bằng cách xử lý về khối nhô ra hoặc tụt vào ở mái. Các chi tiết ở trục chính được khắc họa gây ấn tượng mạnh ở các thức cột, trụ, xương tường, các cửa chính đặc biệt chú ý hơn chỗ khác...

- *Phong cách kiến trúc địa phương*: Mái dốc, hệ thống đỡ mái là con sơn gỗ, các con sơn được biến tấu đa dạng, ở các đầu hồi nhà, mái ngói, các góc che mưa....

- *Phong cách kiến trúc moderne*: Từ bỏ hệ thống cột cổ điển, hình khối chất khô, đường nét đơn giản, sử dụng vật liệu mới, đặc biệt là bê tông cốt thép. Mái dốc hoặc mái bằng, đường nét kiến trúc ngang bằng số thẳng, nhấn mạnh góc vuông. Cửa sổ mở lớn, kính nhiều, ô văng, ban công đúc ra xa, xử lý thoát nước bằng seno BTCT.

- *Phong cách kiến trúc kết hợp Á- Âu*: Đó là sự kết duyên giữa kiến trúc Việt Nam với tỷ lệ kiến trúc người châu Âu. Đặc điểm nhận ra các công trình mang phong cách kết hợp này là: thể hiện ở cấu tạo mái dốc nhiều lớp đa dạng, kể cả mái sảnh và ô văng, với hệ dầm đỡ mái, các chi tiết, hoa văn trang trí trên bề mặt tường, hành lang, lan can, cuộn thư, bình phong..., tất cả đều giống theo những đặc điểm quen thuộc của kiến trúc phương Đông, có những hoa văn họa tiết mượn của Huế. (Hội nghị chuyên gia "Đánh giá quý kiến trúc đô thị Huế", tđđ tr 109-110).

quen thuộc từ tinh thần gắn kết giữa con người với thiên nhiên một cách nhuần nhị và thuần nhất.

Đô thị Huế vốn đã chọn Hương Giang làm dòng huyết mạch tạo nên sức sống cho cơ thể và vóc dáng của mình. Các làng xã trong, giữa lẫn cạnh Kinh thành hay ven đô, phân bố chủ yếu trên những thềm phù sa ven sông - có cây xanh trong những khuôn viên nối tiếp nhau làm nên ấn tượng của một thành phố công viên, thành phố vườn - trong vườn có phố - và trong phố có nhà vườn.

Chúng ta có thể thấy nhà vườn xuất hiện trong nội thị như là một dấu nổi hết sức tự nhiên với những vùng ven như Kim Long, Nguyệt Biều, Lương Quán, Dương Xuân, Vĩ Dạ... Các ngôi làng truyền thống dọc hai bờ sông Hương, ngoài những xóm thôn dân dã, đây đó lại có sự xen lẫn những khuôn viên phủ đệ hay các dinh thự ẩn mình trong cây xanh của tầng lớp quan lại, thượng lưu...⁹ chung sống với những kiến trúc cộng đồng như đình miếu, chùa làng, chợ làng... Nét tiêu vể, tinh tế của dòng kiến trúc mang dấu ấn cung đình, vẫn tồn tại một cách hài hòa bên cạnh những ngôi nhà rường, nhà rội dân dã.

Ranh giới mong manh giữa hai dòng kiến trúc cung đình - dân gian ở Huế, tự nó đã tạo nên tính hòa hợp, và thật khó để có thể hình dung khoảng ranh giới cụ thể giữa nội thị và vùng ven khi mà mọi kiến trúc đều không muốn vươn mình khỏi những tầng cây xanh, khi mà tất cả đều thấp thoáng trong không gian giao tiếp có dụng ý giữa nội thất nơi cư trú, với khuôn viên bao quanh phủ đầy lá và hoa.

Cây xanh ở đây đã làm chiếc gạch nối phổ biến giữa khuôn viên này với khuôn viên khác, giữa làng này với làng khác, khiến chân dung của kiến trúc đô thị Huế trên một góc độ nào đó phải được nhìn nhận như một ngôi làng lớn có nét bình dị của chốn thôn dã, nhưng cũng mang chất kiêu kỳ sang trọng, nếp quyền quý phong lưu của một thời vang bóng.

⁹ Hàng trăm phủ đệ ông hoàng, bà chúa mọc lên ngoài hoàng cung, trong lòng phố thị làng xã, cùng với hàng trăm dinh thự của giới quan lại, trở thành đường truyền trao đổi chất, chất vương giả và chất dân dã, góp một phần quan trọng làm nên hợp chất Huế, phong cách Huế (Vĩnh Quyền: *Qua miền phủ đệ*, <http://laodong.com.vn/sodara/xuan2003/vhvn/50.htm>).

Sự liên kết tự nhiên, tích hợp những yếu tố có thể xen chút dị biệt, thậm chí là đối lập trong thân phận chủ nhân, nhưng không mấy may đối chọi nhau trên phương diện cảnh quan và cấu trúc, theo chúng tôi, đó chính là diện mạo, chất lượng cũng như tính cách của không gian đô thị Huế.

Trong vai trò là thủ phủ, kinh đô phong kiến, nhà Nguyễn đã thiết lập trong cũng như quanh Kinh thành nhiều loại quan xưởng, tượng cục..., chịu sự quản lý trực tiếp hoặc gián tiếp của triều đình trung ương. Ở các vị trí này, hiện nay, chúng ta còn có thể nhận ra chút vết tích lưu lại như: Nê ngõa tượng cục ở Địa Linh; xóm Lò Bộ ở Nam Thanh; Chú tượng ty (công trường đúc đồng dọc 5 xóm ven sông ở Phường Đúc bây giờ); Tất tượng (nghề sơn thếp ở Tiên Nộn)... Bên cạnh đó, còn có những làng thủ công truyền thống kết hợp với nông nghiệp trong sinh kế như Thanh Tiên, Lại Ân, An Truyền... Ở đây, ngoài việc phục vụ nhu cầu của người dân trong các làng xã, họ còn nâng cấp chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu đặt hàng của triều đình hay thỏa mãn yêu cầu của lớp quý tộc, quan lại, thượng lưu... đang quản tụ quanh chốn kinh đô.

Khi nhà nước phong kiến suy tàn, nhiều công tượng, quan xưởng của triều đình đã dần sắp xếp và điều chỉnh lại quy mô, cơ cấu sản xuất cũng như nguyên tắc vận hành để theo thời gian nhập vào quỹ đạo của những làng nghề dân gian truyền thống. Hiện nay những khu vực ấy cũng đã tự hòa tan trong cảnh sắc của bức tranh chung của làng xã truyền thống xứ Huế.

Sự hình thành trung tâm hành chính, chính trị Huế trong lịch sử, đã tạo tiền đề cho sự ra đời những khu sinh hoạt mang chất nhộn nhịp của chốn thị tứ từ nhu cầu trao đổi hàng hóa, thương mại. Trải qua thời gian, các trục thương nghiệp ấy đã biến dịch vị trí theo yêu cầu khách quan của từng giai đoạn, để tạo nên sự có mặt những loại phố cổ, từ Phố Lở (Thanh Hà) đến Bao Vinh, Chợ Dinh, Gia Hội, Đông Ba... Điều đáng ghi nhận ở đây, phần lớn những khu thị tứ này vẫn còn bảo lưu khá rõ nét dạng cấu trúc chưa tách khỏi mối quan hệ với những vùng kế cận trong cách xử lý không gian, quy mô và chiều cao của kiến trúc; chưa có những mảng hình khối trợ trợ và

xa rời với phong cách hay cấu trúc truyền thống. Nhưng không phải vì thế mà không manh nha hiện lên những “cung đàn lạc điệu” trong bản hợp tấu ý vị này.

Chính vì vậy, cho dù xét trên góc độ phân vùng, phân tầng hay phân loại, dù hơi miễn cưỡng, chúng ta cũng có thể làm được những biểu thống kê phân vùng về đô thị Huế, trong đó, có khu vực dành cho thành quách cung điện; các khu thị tứ với những lối kiến trúc rường gỗ còn nhìn thấy ít nhiều ở Bao Vinh, Chợ Dinh, Gia Hội, hay với vật liệu hiện đại ở Đông Ba, An Cựu, Bến Ngự; khu kiến trúc kiểu thuộc địa từ nửa đầu thế kỷ XX cho đến những cụm kiến trúc ảnh hưởng nhiều phong cách của hậu bán thế kỷ XX và cả những vùng ven đô yên ả trong những khu vườn rùng... Nhưng rõ ràng, ở đây sự cận kề và mơ hồ trong lẫn ranh giữa đô thị với làng truyền thống trong và ven đô thị, đã tạo nên cho Huế một diện mạo và tính cách đặc trưng của riêng mình.

Chính những ngôi làng truyền thống cạnh hay cận Huế đã hòa tan trong lòng đô thị, hay những thiết chế mang yếu tính của kinh đô xưa chen trong lòng làng thôn, tất cả đã tạo nên sự tương tác trung hòa cần thiết, tô đậm chiếc gạch nối giữa thiên nhiên với con người yêu thiên nhiên: trầm lắng, ý nhị và thích được người khác khám phá hơn là tự nói về mình.

III. Gạch nối làng-thị: một yếu tính cần bảo vệ bền vững

Bên cạnh nhiều yếu tố làm nên chân dung với những nét đặc trưng của đô thị Huế, làng truyền thống - chất làng truyền thống ẩn hiện trong nội thị, hay kết tụ thành những mảng không gian đặc thù ven đô chính là một bộ phận hữu cơ, không tách rời với trung tâm đô thị Huế. Đặc điểm này làm nên sức sống và nét duyên dáng trong sự phối kết mà con người lẫn thiên nhiên đều dường như có một sự thỏa hiệp ngầm để tạo nên diện mạo của một vùng đất giàu ẩn tượng.

Nếu manh nha phá bỏ mối liên kết này, theo chúng tôi chính là những tác động chọc thủng, làm vỡ, gây sứt mẻ một tác phẩm nghệ thuật cổ kính, xé rách một bản hợp tấu hài hòa giữa con người và thiên nhiên, giữa không gian tự nhiên và những thành tựu của văn hóa Huế vốn đã được trải nghiệm, chọn lọc từ bao đời.

Sự lớn lên của mỗi đô thị thường có những lộ trình khác nhau, và tất yếu sẽ kèm theo với cái giá phải trả chí mạng, nếu như chúng ta không tỉnh táo để nhìn lại; bắt được không chỉ cảnh sắc mà còn là thần thái của chính nó để có những ứng xử thích hợp.

Huế sẽ thế nào nếu những ngôi nhà vườn bị xé nhỏ. Vườn có thể còn nhưng là rẻo vườn chứ không phải là ngôi vườn, khu vườn, hoặc vườn tách khỏi đô thị, để hẳn lên lằn ranh ngăn cách giữa chúng với nhau. Chọn xây dựng những thành phố hiện đại và giải quyết không gian kiến trúc phù hợp với yêu cầu ở đâu và như thế nào, để bản thân người sở tại và du khách đến Huế không bị những cú shock về chuỗi cảm nhận cảnh quan kiến trúc mang tính tương phản, đối chọi, là những bài toán cần đến trí tuệ của những nhà quy hoạch và đội ngũ kiến trúc cũng như những đóng góp ý kiến cần thiết của người làm lịch sử, văn hóa, nghệ thuật...

Tình hình làng truyền thống gắn với đô thị hiện nay đang đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Không ít những ngôi nhà rường cổ đang buộc chủ nhân phải toan tính xử lý nó, khi họ thường xuyên mệt mỏi đối diện với sự môi mọt, mục nát, tối tăm, ẩm thấp, trong lúc gia cảnh lại đang khó khăn; khi mà hấp lực của những tiện nghi hiện đại đang hằng ngày hằng giờ buộc chủ nhân phải làm những bài toán đối sánh giữa cái đang có và sẽ có. Và chúng ta cũng không loại trừ ở đây những áp lực của thể hệ trẻ trước chủ nhân là những người thân của họ về nhu cầu sử dụng nội thất hiện đại.

Khi các đại gia đình Huế - nơi cư trú của tam tứ đại đồng đường đang trong giai đoạn cuối của quá trình phân rã, sự ra đời của các tiêu gia đình tách khỏi nó cũng chính là lúc khai sinh việc xé nhỏ khu vườn hoàn chỉnh vốn có trong mỗi khuôn viên kiến trúc.

Đây đó, trong những ngôi làng ven đô đã mọc lên những kiến trúc cao tầng hiện đại, khung cây xanh được xử lý theo quy hoạch thoáng rộng và tươm tất, xa chất vườn rừng mang tính quy phạm trong hoang dã. Những nét thân quen của ngôi làng nghề truyền thống đã được thay thế bằng những cấu trúc hiện đại - và các khung không gian của những khu vườn trong nội thành có nguy cơ bị cắt

nhỏ do giá đất ngày mỗi cao, quy hoạch của vườn cây xanh nơi đây cũng phần nào bị Nhật/ Trung hóa hay Âu hóa. Tất cả đều là những biểu hiện bào mòn những nét riêng đặc trưng của Huế.

Làng truyền thống trong bức tranh đô thị Huế là một mảng làm nên bộ cục hoàn chỉnh từ vị trí, cấu trúc, chất liệu, cho đến phong cách của một không gian kiến trúc, cho nên, làng không chỉ đóng vai trò là một bộ phận kết hợp để tạo ra một chỉnh thể, mà nó là của nhau, trong nhau như từng phần của một cơ thể sống với đầy đủ diện mạo lẫn tâm hồn.

Đô thị Huế không chỉ được xác định trong phạm vi của Kinh thành và những dãy phố, mà nó còn là dòng sông, là những bức thảm đệm nền nã của công viên hai bên bờ sông, là những khuôn viên cây xanh với kiến trúc ẩn hiện trong tán lá và hắt nhiên những ngôi làng truyền thống không chỉ là mảng điểm tô làm quân bằng sinh thái, hay hoàn thiện yếu tính về mặt thẩm mỹ, mà nó vốn đã hiện hữu từ trong lòng thành thị trải dần ra, tạo nên cho Huế một thần thái không giống bất cứ thành phố nào khác. Không tôn trọng, không bảo vệ những ngôi làng truyền thống hay làm biến dạng nó dưới bất cứ lý do nào đều có thể làm cho đô thị Huế đánh mất những ấn tượng đẹp và độc đáo của một thành phố vốn được du khách trong và ngoài nước ca ngợi.

Huế phải vươn tới sự hiện đại bằng con đường đi riêng của mình. Bởi, sự hiện đại của một đô thị không hề bao gồm những yếu tính như phải có nhà chọc trời, phải có những dãy kiến trúc lập dựng bởi những hình khối lập phương nối tiếp nhau, mà ở đây, chính sự nhỏ nhắn, khiêm tốn trong quy mô, giản dị trong sự thể hiện, và tinh tế cần đến sự khám phá, cũng như biết tôn vinh bức tranh sơn thủy và cây xanh mà thiên nhiên đã ban tặng, biết tôn trọng vòng đai yên ả nhưng chẵn chu và đầy cá tính của những xóm làng truyền thống ven đô. Đó chính là cấu trúc bền vững và đặc trưng của đô thị Huế trong lòng mọi người.